SỞ GDĐT TỈNH ĐỒNG THÁP **TRƯỜNG THPT TỨ KIỆT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 368/KH-THPTTK	*Cai Lậy, ngày 20 tháng 11 năm 2025*

KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT TỨ KIỆT GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình sách giáo khoa Giáo dục phổ thông;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, các văn bản sửa đổi, bổ sung, trong đó có Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024, quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ các quy định hiện hành về chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng, vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, đánh giá học sinh, thực hiện dân chủ ở cơ sở, quản lý tài chính công, quản lý tài sản công, an toàn trường học, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chuyển đổi số trong giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định về dạy thêm, học thêm và Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025–2030; Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Đồng Tháp 5 năm 2026–2030 và các văn bản chỉ đạo, kế hoạch phát triển giáo dục của tỉnh;

Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/ĐU ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Đảng ủy phường Cai Lậy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Cai Lậy lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030 và các văn bản có liên quan;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tình hình đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất, tài chính và các điều kiện thực tế của Trường THPT Tứ Kiệt.

Trường THPT Tứ Kiệt xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm xác định định hướng phát triển lâu dài, mục tiêu ưu tiên, chỉ tiêu đánh giá, giải pháp thực hiện và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; làm căn cứ xây dựng kế hoạch giáo dục hằng năm, kế hoạch đầu tư, bồi dưỡng đội ngũ và cải tiến chất lượng giáo dục.

PHẦN II. THỰC TRẠNG VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ ƯU TIÊN

I. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG

1. Đặc điểm tình hình (trong 5 năm qua)

1.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, bảo vệ và tạp vụ

2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
69/40 nữ	67/38 nữ	68/39 nữ	66/37 nữ	69/39 nữ
02 BGH	02 BGH	02 BGH	03 BGH	03 BHG
04 NV	04 NV	04 NV	04 NV	05 NV
60 GV/39 nữ (2.00/lớp)	58 GV/35nữ (1.93/lớp)	58 GV/35nữ (1.93/lớp)	56 GV/32nữ (1.87/lớp)	57 GV/34 nữ (1.90/lớp)

2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
02BV, 01TV	02BV, 01TV	02BV, 01TV	02BV, 01TV	03BV, 01TV

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đội ngũ có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tích cực đổi mới. Tuy nhiên, cơ cấu giáo viên theo môn học, số lượng nhân viên và năng lực ngoại ngữ, công nghệ số chưa đồng đều; cần tiếp tục rà soát nhu cầu nhân lực và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo vị trí việc làm.

Năm 2025-2026 Sở giao số người làm việc là 68 (Hiện tại có 66 biên chế); Ban giám hiệu 3 người, giáo viên đứng lớp 58/35 nữ (tỉ lệ 2.14/lớp), nhân viên hành chính 5 người, bảo vệ và lao động hợp đồng 07 người. Có 8 tổ (7 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng).

Về chất lượng đội ngũ: 100% đạt chuẩn đào tạo, trong đó có 10 thạc sĩ (tỉ lệ 15,15 %), hiện tại đang có 04 đồng chí trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Trường có Chi bộ độc lập trực thuộc Đảng uỷ phường Cai Lậy hiện có 20/08 nữ (30,3 %).

Thông tin chi tiết

TT	Đối tượng đánh giá		Số lượng	Giới tính		Độ tuổi					Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Nam	*Nữ*	*Dưới 25*	*Từ 25 đến dưới 35*	*Từ 35 đến dưới 45*	*Từ 45 đến dưới 50*	*Trên 50*	CĐ	ĐH	Th.S	
Cán bộ quản lý (CBQL)														
1	Hiệu trưởng		1	1	0					1		1		
2	Phó hiệu trưởng		2	1	1				2			2		
Giáo viên (GV)														
3	Ngữ văn		6	0	5		1	4	0	1		2	4	
4	Toán		9	4	5		0	7	0	2		5	4	
5	Tiếng Anh		6	5	1		1	3	1	1		6		
6	GDTC		5	5	0			3	1	1		5		
7	Giáo dục QPAN		2	2	0			1		1		2		
8	Lịch sử	Nhóm môn KHXH	4	1	3	1		1	0	2		4		
9	Địa lí		4	3	1	2		1	0	1		4		
10	GV KT-PL		2	0	2			1	1			2		
11	Vật lí	Nhóm môn	5	4	1			2	0	3		4	1	
12	Hoá học		5	0	5		2	3				5		

TT	Đối tượng đánh giá		Số lượng	Giới tính		Độ tuổi					Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Nam	*Nữ*	*Dưới 25*	*Từ 25 đến dưới 35*	*Từ 35 đến dưới 45*	*Từ 45 đến dưới 50*	*Trên 50*	CĐ	ĐH	Th.S	
13	Sinh học	KHXH	4	0	4		1	2		1		3	1	
14	Âm nhạc	Nhóm môn CN và nghệ thuật	1		1	1						1		
15	Mỹ thuật		0											
16	Công nghệ		2	1	1		1		1			2		
17	Tin học		4	2	2			3	1			4		
18	Tiếng Dân tộc		0											
19	Tiếng Pháp		0											
Nhân viên (NV)														
20	Thư viện, thiết bị		0											
21	CNTT		1		1		1					1		
22	Văn thư		1	0	1			1			1			
23	Kế toán		1	0	1				1			1		
24	Y tế		1	1	0			1			1			
25	Thủ quỹ		KN											
26	Giáo vụ		KN											
27	Hỗ trợ người khuyết tật		0											
28	Tư vấn học đường		0											

1.2. Học sinh, chất lượng giáo dục

		2020 -2021	2021 -2022	2022-2023	2023 - 2024	2024 - 2025
Quy mô	Số lớp	30	30	28	28	32
	Số HS	1262	1272	1058	1121	1329
Học lực (KQHT)	Giỏi (T)	9,43%	16,27%	16,38%	25,52%	53,20%
	Khá	63,61%	58,88%	47,31%	51,85%	39,50%
	TB (Đ)	38,19%	24,21%	33,31%	22,15%	7,22%
	Yếu(C.Đ)	14,26%	0,63%	15,66%	1,20%	0,08%
	Kém (C.Đ)	1,51%	0,00%	0,01%	0,00%	0,00%

		2020 -2021	2021 -2022	2022-2023	2023 - 2024	2024 - 2025
Hạnh kiểm (KQRL)	Tốt	82,17%	91,19%	93,35%	94,14%	95,64%
	Khá	17,83%	8,10%	6,41%	5,38%	4,06%
	TB (Đ)	0,00%	0,39%	0,24%	0,16%	0,23%
	Yếu (C.Đ)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
HS bỏ học		2,77%	0,00%	0,00%	0,09%	0,00%
Lên lớp thẳng		84,23%	99,37%	96,99%	98,31%	98,78%
HS lưu ban		00 em	00 em	02 em	06 em	02 em
Duy trì sĩ số		96,41%	98,30%	97,91%	98,50%	99,48%
Hiệu quả đào tạo		74,46%	79,96%	85,06%	99,61%	95,27%
TN THPT		97,38%	98,96%	98,51%	99,04%	99,51%
HS giỏi cấp tỉnh		-	-	-	-	-

Quy mô học sinh biến động theo từng năm; kết quả tốt nghiệp THPT những năm gần đây có chuyển biến tích cực, năm học 2024–2025 đạt 99,51% (tỉ lệ tốt nghiệp của tỉnh là 99,36%); năm 2025-2026 tỉ lệ tốt nghiệp 100 %. Tuy nhiên, chất lượng đầu vào chưa ổn định, kết quả học tập giữa các nhóm học sinh còn chênh lệch; học sinh giỏi cấp tỉnh chưa tạo được thành tích ổn định. Cần chuyển trọng tâm từ duy trì tỷ lệ tốt nghiệp sang nâng cao chất lượng thực chất, năng lực tự học, ngoại ngữ, kỹ năng số, hướng nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

1.3. Cơ sở vật chất hiện có

Diện tích khuôn viên theo số liệu hiện có là 18.301,8 m², bình quân 13,7m²/học sinh; trường có 33 phòng học, diện tích 01 phòng học 56,16m²/45 học sinh (bình quân 1,25m²/học sinh) và các phòng chức năng, nhà đa năng, sân thể thao. Tuy nhiên, một số phòng chưa được trang bị bàn ghế phù hợp; thiết bị phòng học bộ môn chưa đồng bộ; thư viện, hệ thống thoát nước, lối đi, hàng rào và một số khu làm việc cần được đầu tư, sửa chữa. Việc đầu tư phải được lập danh mục, xác định mức độ cấp thiết, dự toán, nguồn vốn và tiến độ thực hiện.

Trường Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, theo Quyết định số 08/QĐ-SGDĐT của Sở GDĐT Tiền Giang ngày 04/01/2024; Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1, theo Quyết định số 496/QĐ-UBND của Uỷ Ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, ngày 25/3/2024.

1.4. Về quản trị và chuyển đổi số

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và trao đổi với cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, cần chuẩn hóa dữ liệu, tăng cường phân tích kết quả học tập, kiểm tra nội bộ theo minh chứng, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm.

1.3. Về phối hợp giáo dục

Nhà trường nhận được sự quan tâm của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội. Cần củng cố cơ chế phối hợp thường xuyên, huy động nguồn lực đúng quy định, bảo đảm công khai, tự nguyện, minh bạch và không tạo áp lực đóng góp cho gia đình học sinh.

II. PHÂN TÍCH SWOT

1. Điểm mạnh

Ban giám hiệu có kinh nghiệm quản lý, đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm.

Đội ngũ giáo viên cơ bản đạt chuẩn, có tinh thần đổi mới và gắn bó với trường.

Tỷ lệ tốt nghiệp THPT những năm gần đây đạt kết quả tích cực.

Nhà trường có khuôn viên, phòng học, phòng chức năng và nền tảng tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện.

Có sự quan tâm của cơ quan quản lý giáo dục, chính quyền địa phương và cha mẹ học sinh.

1.1. Công tác quản trị và điều hành của Ban giám hiệu

Độ tuổi bình quân CBQL nhà trường là 50 tuổi. Đây là độ tuổi còn thời gian cống hiến nhiều, có kinh nghiệm trong thực tiễn công tác.

Đội ngũ CBQL nhà trường đã qua bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ quản lí giáo dục; đạt chuẩn theo vị trí việc làm; khả năng sử dụng CNTT thành thạo, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm; có uy tín với đội ngũ, với chính quyền và nhân dân.

Ban Giám hiệu đoàn kết, phối hợp nhịp nhàng trong các hoạt động chỉ đạo; phân công nhiệm vụ rõ ràng, tích cực, chủ động trong công việc; tổ chức các hoạt động nhà trường; biết phát huy sức mạnh của đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên trẻ và những giáo viên có năng lực.

Tích cực đổi mới, sáng tạo, thích ứng trong lãnh đạo, quản trị nhà trường. Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh theo hướng tiếp cận năng lực. Quản trị chất lượng giáo dục đáp ứng CTGDPT 2018.

Tích cực phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh, huy động và sử dụng tốt các nguồn lực để phát triển nhà trường. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và lãnh đạo nhà trường thực hiện CTGDPT 2018.

1.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

Là một tập thể đoàn kết, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, có khát vọng xây dựng nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, 100% đạt chuẩn, có 10 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Chấp hành tốt kỷ luật lao động, qui chế chuyên môn. Năng động, sáng tạo có tinh thần chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, có ý thức đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Độ tuổi đa số là giáo viên trẻ năng động nhiệt huyết.

1.3. Chất lượng giáo dục

Tỉ lệ học sinh giỏi toàn diện, học sinh có hạnh kiểm tốt đạt cao và ổn định hàng năm. Chất lượng thi TNTHPT đạt trung bình là 98,68 % hàng năm.

1.4. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu trong việc dạy và học theo chương trình 2018.

1.5. Thành tích nổi bật

Trong những năm học gần đây nhà trường luôn đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đặc biệt năm học 2024-2025 trường được Uỷ ban nhân nhân tỉnh Đồng Tháp tặng danh hiệu "tập thể lao động xuất sắc"; Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; Đoàn thanh niên luôn là đơn vị hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Điểm hạn chế

Cơ cấu nhân lực, thiết bị và phòng học bộ môn chưa đồng bộ.

Chất lượng đầu vào và kết quả học tập chưa đồng đều.

Thành tích học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học và hoạt động sáng tạo chưa nổi bật.

Năng lực ngoại ngữ, công nghệ số, sử dụng dữ liệu để cải tiến dạy học của một bộ phận giáo viên còn hạn chế.

Công tác kiểm tra, giám sát, phân tích dữ liệu và huy động nguồn lực có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

2.1. Việc tổ chức quản trị, điều hành của Ban giám hiệu

Công tác tham mưu với cấp trên còn có lúc chưa kịp thời. Khả năng vận động các lực lượng để thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế.

Công tác giám sát, kiểm tra và các biện pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót còn có lúc chậm, chưa kịp thời.

Một số cán bộ quản lý kinh nghiệm chưa nhiều, nên chưa thật sự chủ động trong quản lý, điều hành. Tính bao quát công việc có khi chưa đầy đủ.

Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên còn mang tính động viên, chưa thực chất.

2.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giảng dạy, giáo dục học sinh, còn có tâm lý ngại đổi mới.

Trình độ ngoại ngữ còn thấp, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin hạn chế đây là trở ngại rất lớn trong việc tiếp cận những đổi mới trong công nghệ giáo dục của khu vực và trên thế giới.

Việc tự học, tự bồi dưỡng còn có nhiều hạn chế. Cập nhật thông tin, tri thức trên các phương tiện truyền thông còn yếu, đặc biệt là tìm kiếm trên mạng internet. Các kỹ năng mềm trong giáo dục còn hạn chế.

Một bộ phận giáo viên tính ổn định công việc chưa cao, hoàn cảnh khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ tới công tác.

2.3. Chất lượng học sinh

Điểm tuyển sinh đầu vào lớp 10 rất thấp tuy có tăng dần theo từng năm: Năm học 2020-2021: 11,0 điểm, năm học 2021-2022: 12,91 điểm, năm học 2022-2023: 18,25 điểm, năm học 2023-2024 và 2024-2025: 21,75 điểm, năm học 2025-2026: 8,0 điểm không nhân hệ số. Chất lượng chưa đồng đều, đại bộ phận học sinh có ý thức yếu, kém trong học tập và rèn luyện. Nhiều học sinh còn hạn chế về kỹ năng mềm.

2.4. Cơ sở vật chất

Hiện nay, cơ sở vật chất của nhà trường còn một số hạn chế, cụ thể:

+ Một số phòng học chưa có bàn ghế theo quy định (08 phòng).

+ Các phòng học bộ môn thiếu và không có thiết bị như: 01 phòng Lý, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật; 01 phòng Ngoại ngữ (tiếng Anh); 01 phòng CNCN, 01 phòng CNNN.

+ Thư viện chưa đạt chuẩn tiên tiến; trang thiết bị dạy học còn thiếu và chưa đồng bộ.

+ Khu hiệu bộ, phòng làm việc, phòng chức năng còn thiếu hoặc xuống cấp: thiếu phòng Phó Hiệu trưởng; thiếu phòng Đa chức năng; thiếu phòng các tổ chuyên môn; thiếu phòng Khoa học xã hội. Hầu hết các phòng đều thiếu thiết bị làm việc theo quy định hiện hành.

+ Khu sân chơi, bãi tập, nhà đa năng chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục toàn diện.

+ Lối vào dọc theo các dãy phòng bị xuống cấp, thiếu hệ thống thoát nước nên thường xuyên bị ngập khi mưa to.

+ Hàng rào bị lún, nghiêng khoảng 15cm-20cm một đoạn khá dài khoảng 300 m.

3. Cơ hội

Chủ trương đổi mới giáo dục, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tạo điều kiện để trường đổi mới hoạt động.

Các nền tảng học liệu số, công cụ hỗ trợ dạy học và phương thức phối hợp trực tuyến mở rộng cơ hội học tập cho học sinh.

Sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương tạo điều kiện tăng cường hướng nghiệp, trải nghiệm và kết nối với cơ sở đào tạo, doanh nghiệp phù hợp.

Nhu cầu đòi hỏi nguồn nhân lực giáo dục chất lượng cao là rất lớn và ngày càng tăng. Xã hội 5.0 được ứng dụng nhanh vào trường học giúp chuyển đổi số trong giáo dục của nhà trường thích ứng linh hoạt với tình hình hiện tại.

4. Thách thức

Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục, ngoại ngữ, năng lực số và khả năng thích ứng của học sinh.

Khó khăn trong tuyển dụng, bố trí giáo viên đúng cơ cấu môn học và bảo đảm nguồn kinh phí đầu tư.

Sự thay đổi nhanh của công nghệ, nguy cơ mất an toàn dữ liệu, thông tin sai lệch và lạm dụng trí tuệ nhân tạo.

Chênh lệch điều kiện học tập giữa các nhóm học sinh có thể ảnh hưởng đến công bằng giáo dục.

Các trường THPT trên địa bàn cũng không ngừng phát triển về quy mô, chất lượng tạo nên sự cạnh tranh lớn giữa các trường.

III. CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN

1. Nâng cao chất lượng dạy học, đặc biệt là chất lượng đầu vào, năng lực đọc hiểu, toán học, ngoại ngữ, kỹ năng số và kết quả tốt nghiệp THPT.

2. Xây dựng đội ngũ đủ số lượng, đúng cơ cấu môn học, vững chuyên môn, có năng lực đổi mới phương pháp dạy học và sử dụng công nghệ.

3. Hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, thư viện và môi trường học tập an toàn.

4. Đổi mới quản trị theo mục tiêu, dữ liệu và minh chứng; tăng cường tự đánh giá, kiểm tra nội bộ và cải tiến chất lượng.

5. Tăng cường tư vấn tâm lý, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phòng chống bạo lực học đường và giảm nguy cơ bỏ học.

6. Đổi mới hướng nghiệp, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ năng sống, giáo dục môi trường và hội nhập quốc tế.

7. Tăng cường phối hợp gia đình – nhà trường – xã hội và huy động nguồn lực đúng quy định.

8. Quản lý nhà trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá trường phổ thông đạt chuẩn Quốc gia.

PHẦN III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường THPT Tứ Kiệt trở thành cơ sở giáo dục trung học phổ thông có nền nếp, kỷ cương, môi trường giáo dục an toàn, chất lượng giáo dục được cải thiện bền vững; đội ngũ đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở vật chất từng bước được chuẩn hóa; quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu, minh chứng và trách nhiệm giải trình.

Đến năm 2045, nhà trường hướng tới mô hình trường học hiện đại, nhân văn, sáng tạo, chuyển đổi số hiệu quả, có năng lực hội nhập; học sinh phát triển hài hòa về phẩm chất, kiến thức, thể chất, năng lực số, ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng học tập suốt đời. Nhà trường phấn đấu duy trì, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn có hiệu lực tại từng thời kỳ.

2. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường học tập dân chủ, kỷ cương, an toàn, thân thiện và có chất lượng; phát huy tiềm năng của mỗi học sinh; trang bị kiến thức, phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp để học sinh tiếp tục học tập, tham gia lao động, thích ứng với xã hội hiện đại và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

3. Giá trị cốt lõi

"Dân chủ - Kỷ cương - Trách nhiệm - Nhân ái -Hợp tác - Sáng tạo - Hiệu quả"

4. Phương châm hành động

"Chất lượng giáo dục thực chất, an toàn trường học và sự tiến bộ của mỗi học sinh là uy tín, trách nhiệm và danh dự của nhà trường."

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thu hẹp khoảng cách kết quả học tập giữa các nhóm học sinh, bảo đảm cơ hội học tập và phát triển cho mọi học sinh.

Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, hạ tầng công nghệ và môi trường học tập an toàn.

Đổi mới quản trị, kiểm định chất lượng, công khai và giải trình; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, tài sản công và các nguồn lực hợp pháp.

Xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, không bạo lực, có kỷ luật tích cực; tăng cường tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, ngoại ngữ, STEM và chuyển đổi số.

Phấn đấu đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo lộ trình, với điều kiện đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy định hiện hành và được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Duy trì tỷ lệ tốt nghiệp THPT ở mức cao, phấn đấu đạt 100% khi điều kiện đầu vào, chất lượng học tập và kết quả đánh giá thực tế cho phép; không chạy theo thành tích, không làm sai lệch kết quả.

Duy trì sĩ số ở mức từ 99% trở lên; 100% học sinh có nguy cơ bỏ học được phát hiện, tư vấn và có phương án hỗ trợ.

Bảo đảm 100% học sinh được tư vấn hướng nghiệp, lựa chọn môn học và định hướng học tập sau THPT.

Bảo đảm 100% giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu; phấn đấu mỗi tổ chuyên môn có giáo viên nòng cốt có khả năng hỗ trợ đồng nghiệp.

Bảo đảm 100% phòng học, phòng chức năng được rà soát về an toàn, trang thiết bị thiết yếu và điều kiện tổ chức dạy học; ưu tiên khắc phục những hạng mục ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn.

100% tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, phân tích kết quả học tập và đề xuất giải pháp cải tiến.

100% nhiệm vụ, chỉ tiêu chiến lược có đầu mối phụ trách, thời hạn, sản phẩm minh chứng và được đánh giá ít nhất một lần mỗi năm.

Phấn đấu hoàn thành mục tiêu kiểm định chất lượng cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2 trong năm 2028 nếu kết quả tự đánh giá, điều kiện thực tế và đánh giá ngoài đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Trường hợp chưa đủ điều kiện, xây dựng kế hoạch khắc phục và trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Hệ thống chỉ tiêu phát triển

3.1 Chỉ tiêu về quy mô và duy trì sĩ số (dự kiến)

- Qui mô trường lớp:

2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
27 lớp	31 lớp	30 lớp	33 lớp	32 lớp
1059 HS	1245 HS	1278 HS	1422HS	1440 HS

Hằng năm, xây dựng dự báo tuyển sinh, quy mô lớp học và nhu cầu giáo viên trên cơ sở kết quả tuyển sinh thực tế, điều kiện phòng học và chỉ tiêu được giao.

Duy trì sĩ số từ 99% trở lên vào năm 2030; phấn đấu không có học sinh bỏ học vì khó khăn kinh tế mà không được hỗ trợ hoặc tư vấn.

Hằng tháng, giáo viên chủ nhiệm rà soát học sinh nghỉ học nhiều buổi, học sinh có nguy cơ bỏ học; phối hợp cha mẹ học sinh và các bộ phận liên quan để xử lý kịp thời.

Chỉ tiêu số lớp, số học sinh từng năm được xác định trong phụ lục kế hoạch sau khi thống nhất số liệu và đối chiếu chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện cơ sở vật chất.

3.2 Chỉ tiêu về chất lượng giáo dục

- Tốt nghiệp THPT: phấn đấu duy trì kết quả bằng hoặc cao hơn mức bình quân của tỉnh; từng bước tiến tới 100% khi phù hợp với kết quả đánh giá thực chất.

- Kết quả học tập: xây dựng chỉ tiêu theo từng môn học và từng khối lớp trên cơ sở số liệu đầu năm. Mỗi năm tăng tỷ lệ học sinh đạt kết quả học tập Tốt, Khá; giảm tỷ lệ học sinh Chưa đạt ít nhất 20% so với năm học trước, nếu số liệu nền và quy mô học sinh cho phép. Không áp dụng chỉ tiêu cơ học làm ảnh hưởng tính trung thực của đánh giá.

- Học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học: mỗi tổ chuyên môn phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng lực; phấn đấu có học sinh tham gia các kỳ thi, cuộc thi phù hợp cấp tỉnh, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, STEM hoặc các sân chơi học thuật.

- Đạo đức và rèn luyện: phấn đấu ít nhất 95% học sinh có kết quả rèn luyện Tốt; 100% vụ việc vi phạm được tiếp nhận, xác minh, xử lý và giáo dục theo quy định.

- Hướng nghiệp: 100% học sinh được tư vấn về lựa chọn môn học, ngành học, nghề nghiệp và các con đường sau THPT.

- Kỹ năng sống: mỗi lớp tổ chức ít nhất một hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hoặc hoạt động phát triển kỹ năng trong mỗi năm học, phù hợp kế hoạch giáo dục và điều kiện nhà trường.

3.3 Chỉ tiêu về đội ngũ

- Hằng năm rà soát nhu cầu giáo viên theo môn học, số lớp và định mức hiện hành; tham mưu cơ quan quản lý bố trí đủ số lượng và cơ cấu.

2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
73/39 nữ	73/39 nữ	73/39 nữ	73/39 nữ	73/39 nữ
58 GV (2.14/lớp)	58 GV (1.86/lớp)	58 GV (1.92/lớp)	58 GV (1.65/lớp)	58 GV (1.74/lớp)

- 100% giáo viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo quy định hiện hành và kế hoạch được phê duyệt.

- Mỗi giáo viên có ít nhất một nội dung đổi mới dạy học, kiểm tra đánh giá hoặc ứng dụng công nghệ được triển khai và tự đánh giá hằng năm.

- Mỗi tổ chuyên môn xây dựng ít nhất một chuyên đề/năm học gắn với khó khăn thực tế của học sinh, có sản phẩm và đánh giá hiệu quả.

Chú ý: *mỗi tổ chuyên môn không chỉ xây dựng chuyên đề để hoàn thành hồ sơ, mà phải thực hiện chuyên đề nhằm giải quyết một khó khăn thực tế của học sinh, tạo ra sản phẩm minh chứng và đánh giá được kết quả sau khi thực hiện.*

- Phấn đấu tăng số giáo viên có trình độ thạc sĩ theo nhu cầu chuyên môn, nguyện vọng cá nhân, điều kiện đào tạo và chính sách hiện hành; không áp dụng chỉ tiêu cứng nếu chưa bảo đảm nguồn lực.

- 100% cán bộ quản lý được bồi dưỡng năng lực quản trị, quản lý chất lượng, chuyển đổi số và an toàn trường học theo yêu cầu.

- Đánh giá viên chức, chuẩn nghề nghiệp và thi đua bảo đảm đúng quy định, dựa trên minh chứng và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Chỉ tiêu về chất lượng của đội ngũ giáo viên: Đầu năm 2026, trường có 58 giáo viên trực tiếp giảng dạy và chuẩn bị cho chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 20/ 2018/TT-BGDĐT ngày 20/8/2018 từ Khá trở lên: 100%.

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo: 58 (100%); trong đó giáo viên đạt trình độ đại học 48 (78.76%), giáo viên đạt trình độ thạc sĩ 10 (17.24%) đến năm 2030 dự kiến thêm 10 thạc sĩ (tăng thêm 17,24%)

Mục tiêu năng lực giáo viên đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018:

+ 20 giáo viên đáp ứng tốt CTGDPT 2018 đạt 34.48 %.

+ Mỗi tổ có ít nhất 01 giáo viên có thể hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện triển khai CTGDPT 2018. 100% giáo viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 17/2019/TT-BGDĐT (120 tiết)

Có 01 giáo viên (1.72%) được cử đi bồi dưỡng giáo viên cốt cán.

Kết quả đánh giá viên chức hàng năm: hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 58

(100%).

Chỉ tiêu về chất lượng của đội ngũ nhân viên

- Số lượng, tỷ lệ nhân viên đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo: 5 (100%) đạt trình độ cao đẳng trở lên, trong đó có 03 nhân viên đạt trình độ đại học.

- Kết quả đánh giá nhân viên hàng năm: hoàn thành tốt nhiệm vụ 5 (100%).

Chỉ tiêu về chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn nghề nghiệp theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 đạt từ Khá trở lên (100%).

Kết quả đánh giá viên chức hàng năm: hoàn thành tốt nhiệm vụ 03 (100%).

Chỉ tiêu chất lượng giáo dục văn hóa

- Trường tiên tiến cấp tỉnh.

- Chiến sĩ thi đua: ít nhất là 08.

- Lao động tiên tiến: 100%

- Có giáo viên tham gia thi giáo viên giỏi cấp trường và cấp tỉnh

- Mỗi năm tăng tỷ lệ học sinh đạt kết quả học tập Tốt, Khá; giảm tỷ lệ học sinh Chưa đạt còn ít nhất 2%/năm.

- Tỷ lệ duy trì sĩ số so với tỉ lệ duy trì sĩ số của tỉnh: tỉ lệ bỏ học không quá 2 % và tỉ lệ lưu ban không quá 3 %

- Lên lớp thẳng 95%.

- Tỷ lệ HS TN THPT: duy trì tỉ lệ 100%.

- Hiệu quả đào tạo thấp hơn tỉ lệ tỉnh 1%.

Chỉ tiêu chất lượng giáo dục đạo đức

- Hằng năm tỷ lệ HS có Hạnh kiểm Tốt 90%; Khá 7 %; giảm mức đạt và chưa đạt còn 3%/ năm.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các câu lạc bộ, hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện. 100% học sinh có sức khoẻ tốt.

Đáp ứng được nhu cầu mong muốn của cha mẹ học sinh. Học sinh rèn thói quen cách tự học một cách chủ động sáng tạo.

3.4 Chỉ tiêu về cơ sở vật chất

- Ưu tiên sửa chữa hàng rào có nguy cơ mất an toàn, hệ thống thoát nước, lối đi bị xuống cấp và các hạng mục ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, an toàn học sinh. Ngày 14/9/2026 trường làm tờ trình số 345/TTr-THPTTK về việc đề nghị phê duyệt

nhiệm vụ và dự toán cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất đáp ứng hoạt động thường xuyên của nhà trường.

+ Theo Quyết định 1227/QĐ-SGDĐT của Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Đồng Tháp ngày 24/9/2026 phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất Trường trung học phổ thông (THPT) Tứ Kiệt năm 2027.

+ Mục tiêu: Đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy và học tập.

+ Dự kiến chi phí: *1.961.596.000 (Một tỷ chín trăm sáu mươi mốt triệu, năm trăm năm chín mươi sáu ngàn đồng).*

- Bảo đảm bàn ghế phù hợp, đủ thiết bị tối thiểu và điều kiện tổ chức dạy học cho 100% phòng học đang sử dụng.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư thiết bị phòng học bộ môn theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và nhu cầu triển khai chương trình giáo dục.

- Từng bước nâng cấp thư viện, học liệu số, hạ tầng mạng, thiết bị trình chiếu và các công cụ phục vụ quản lý, dạy học.

- Hằng năm kiểm kê, đánh giá mức độ sử dụng, bảo trì và hiệu quả khai thác tài sản công; công khai kế hoạch mua sắm, sửa chữa theo quy định.

- Chỉ tiêu về phòng học, phòng chức năng, diện tích sử dụng và chuẩn quốc gia được đối chiếu với tiêu chuẩn hiện hành trước khi lập hồ sơ công nhận.

3.5 Chỉ tiêu về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

- 100% tổ chuyên môn sử dụng hệ thống quản lý, lưu trữ và chia sẻ kế hoạch giáo dục, học liệu, đề kiểm tra và minh chứng chuyên môn theo quy định.
- Phấn đấu 100% giáo viên sử dụng được các công cụ số cần thiết cho hoạt động dạy học và đánh giá; có kế hoạch hỗ trợ riêng đối với giáo viên còn hạn chế.
- Xây dựng kho học liệu số dùng chung, ngân hàng câu hỏi và hệ thống theo dõi tiến bộ học tập; bảo đảm kiểm duyệt nội dung, bản quyền và an toàn dữ liệu.
- Từng bước sử dụng bảng điều khiển dữ liệu quản trị để theo dõi sĩ số, kết quả học tập, chuyên cần, tốt nghiệp, tình hình vi phạm và tiến độ thực hiện chỉ tiêu.
- Thí điểm sử dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ soạn học liệu, phân hóa nhiệm vụ học tập và hỗ trợ quản lý; giáo viên chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, tính phù hợp và tính công bằng.
- Không đưa dữ liệu cá nhân, hồ sơ sức khỏe, thông tin nhạy cảm hoặc dữ liệu định danh của học sinh lên công cụ, nền tảng chưa được phép sử dụng.

3.6 Chỉ tiêu về an toàn và hỗ trợ cho học sinh

- 100% học sinh được phổ biến quy tắc ứng xử, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại, ma túy, thuốc lá điện tử và các nguy cơ trên không gian mạng.

- 100% học sinh có nhu cầu hỗ trợ tâm lý, học tập hoặc hoàn cảnh khó khăn được tiếp nhận, đánh giá và kết nối hỗ trợ phù hợp.

- Duy trì việc phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, bộ phận tư vấn học đường, cha mẹ học sinh và cơ quan chuyên môn khi phát sinh vấn đề.

- 100% học sinh được tuyên truyền về bảo hiểm y tế và hỗ trợ thực hiện thủ tục theo quy định; việc xác nhận tỷ lệ tham gia được thực hiện trên số liệu thực tế.

- Tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu, ứng phó thiên tai và các tình huống khẩn cấp theo kế hoạch, quy định hiện hành.

3.7 Chỉ tiêu về Đảng

Từ năm 2026 đến 2030 Chi bộ kết nạp thêm 15 đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

3.8 Chỉ tiêu về Đoàn thể

- Chi Bộ đạt danh hiệu : Hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên
- Đoàn TNCS đạt danh hiệu : Hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên
- Chi đoàn giáo viên : Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

3.9 Các chỉ tiêu khác

- Cơ quan đạt danh hiệu : Cơ quan văn hóa
- Thư viện, thiết bị : Đạt mức độ 1
- Công tác y tế học đường : Hoàn thành Tốt nhiệm vụ

- 100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên sống và làm việc theo pháp luật, không vi phạm chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước.

- 100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt về an toàn giao thông.

- 100% Thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo.

- 100% Thầy cô giáo không vi phạm SĐKH.

- 100% Thầy cô giáo không vi phạm tệ nạn xã hội.

- 100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt gia đình văn hóa.

- 100% Cán bộ, giáo viên đạt đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- 100% Cán bộ, giáo viên đạt loại giỏi BDTX.

3.10 Chỉ tiêu về quản trị và bảo đảm chất lượng

- 100% kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyên môn và kế hoạch tài chính được xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện, đánh giá theo thẩm quyền.

- 100% khoản thu, chi và nguồn tài trợ được thực hiện, hạch toán, quản lý và công khai theo quy định.

- Mỗi năm thực hiện ít nhất một chu trình cải tiến chất lượng đối với từng lĩnh vực ưu tiên: quản trị, dạy học, đội ngũ, cơ sở vật chất và hỗ trợ học sinh.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục hằng năm; cập nhật minh chứng, phân tích tiêu chí chưa đạt và xây dựng kế hoạch khắc phục có thời hạn.

- Tổ chức kiểm tra nội bộ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất khi cần thiết; bảo đảm khách quan, có biên bản, kết luận và theo dõi việc khắc phục.

- Duy trì công khai các nội dung theo quy định; tăng cường tiếp nhận phản hồi của học sinh, cha mẹ học sinh và các bên liên quan.

III. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Chương trình 1. Đổi mới quản trị nhà trường

Mục tiêu: Xây dựng cơ chế quản trị rõ trách nhiệm, minh bạch, dựa trên dữ liệu và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Nhiệm vụ:

- Rà soát quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản, quy trình kiểm tra nội bộ và phân công nhiệm vụ.

- Xác định đầu mối phụ trách từng chỉ tiêu chiến lược; giao nhiệm vụ bằng văn bản, xác định thời hạn và sản phẩm cần hoàn thành.

- Xây dựng hệ thống theo dõi tiến độ công việc theo tháng, học kỳ và năm học.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, công khai và trách nhiệm giải trình; xử lý kịp thời các hạn chế, không để tồn tại kéo dài.

Sản phẩm: Bộ quy chế được rà soát; bảng theo dõi chỉ tiêu; báo cáo tiến độ hằng kỳ; hồ sơ kiểm tra và kế hoạch khắc phục.

Chủ trì: Hiệu trưởng. **Phối hợp:** Các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng và các tổ chức đoàn thể.

Chương trình 2. Phát triển đội ngũ

Mục tiêu: Xây dựng đội ngũ đủ số lượng, hợp lý về cơ cấu, có phẩm chất nghề nghiệp và năng lực đổi mới.

Nhiệm vụ:

- Rà soát vị trí việc làm, cơ cấu môn học, tuổi nghề, năng lực và nhu cầu bồi dưỡng của từng cá nhân.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo nhóm: chuyên môn, kiểm tra đánh giá, ngoại ngữ, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tư vấn học sinh và quản lý lớp học.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, dự giờ, phân tích dữ liệu và hỗ trợ đồng nghiệp.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt, kế hoạch kế thừa cán bộ quản lý và cơ chế ghi nhận sáng kiến có hiệu quả thực chất.

Sản phẩm: Hồ sơ năng lực; kế hoạch bồi dưỡng cá nhân; chuyên đề chuyên môn; báo cáo tiến bộ sau bồi dưỡng.

Chủ trì: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn. **Phối hợp:** Tổ trưởng chuyên môn và giáo viên cốt cán.

Chương trình 3. Nâng cao chất lượng học sinh

Mục tiêu: Nâng cao chất lượng thực chất, bảo đảm tiến bộ của từng nhóm học sinh.

Nhiệm vụ:

- Khảo sát đầu năm, phân tích kết quả học tập theo môn, lớp và nhóm học sinh.
- Tổ chức phụ đạo, hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu; bồi dưỡng học sinh có năng lực và phát triển câu lạc bộ học thuật.
- Đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá thường xuyên và định kỳ theo quy định; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh dạy học.
- Tăng cường đọc hiểu, toán học, ngoại ngữ, kỹ năng số, STEM, nghiên cứu khoa học, giáo dục thể chất và kỹ năng tự học.
- Xây dựng kế hoạch ôn tập tốt nghiệp THPT theo từng khối, từng môn, có đánh giá tiến độ nhưng không gây áp lực không phù hợp cho học sinh.

Sản phẩm: Bảng phân tích kết quả; kế hoạch hỗ trợ cá nhân; ngân hàng câu hỏi; báo cáo tiến bộ theo học kỳ; kết quả thi và khảo sát.

Chủ trì: Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn.

Phối hợp: Tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, Đoàn trường và cha mẹ học sinh.

Chương trình 4. Xây dựng trường học an toàn, nhân văn

Mục tiêu: Bảo đảm sức khỏe thể chất, tinh thần và sự an toàn của học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Nhiệm vụ:

- Rà soát nguy cơ về cơ sở vật chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn điện, an toàn giao thông và vệ sinh trường học.
- Tăng cường giáo dục hành vi ứng xử, phòng chống bạo lực, xâm hại, ma túy, thuốc lá điện tử và rủi ro trực tuyến.
- Xây dựng quy trình tiếp nhận, bảo mật, xử lý phản ánh và hỗ trợ tâm lý.
- Phối hợp gia đình và cơ quan chuyên môn để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có nguy cơ bỏ học.

Sản phẩm: Hồ sơ rà soát an toàn; kế hoạch phòng ngừa; biên bản diễn tập; hồ sơ tư vấn và hỗ trợ theo quy định.

Chủ trì: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách học sinh. **Phối hợp:** Giáo viên chủ nhiệm, Đoàn trường, nhân viên y tế và các lực lượng liên quan.

Chương trình 5. Đầu tư, quản lý cơ sở vật chất

Mục tiêu: Bảo đảm điều kiện dạy học an toàn, thiết thực, phù hợp chương trình giáo dục và khả năng nguồn lực.

Nhiệm vụ:

- Lập danh mục công trình, thiết bị theo mức độ ưu tiên: an toàn cấp thiết; thiết bị phục vụ dạy học; phòng học bộ môn; thư viện và hạ tầng số.
- Xác định kinh phí, nguồn vốn, hồ sơ thủ tục, cơ quan quyết định và thời gian thực hiện cho từng hạng mục.
- Theo dõi tiến độ sửa chữa, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành và khai thác tài sản.
- Kiểm kê tài sản hằng năm; xây dựng kế hoạch bảo trì và sử dụng thiết bị hiệu quả.

Sản phẩm: Danh mục đầu tư; dự toán được phê duyệt; hồ sơ nghiệm thu; sổ tài sản; báo cáo hiệu quả sử dụng.

Chủ trì: Hiệu trưởng. **Phối hợp:** Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất, kế toán, tổ văn phòng, nhân viên thiết bị và tổ chuyên môn.

Chương trình 6. Chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

Mục tiêu: Sử dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý, dạy học và hỗ trợ học sinh.

Nhiệm vụ:

- Chuẩn hóa dữ liệu, quy trình lưu trữ và chia sẻ tài liệu.
- Xây dựng kho học liệu số, ngân hàng đề và các công cụ theo dõi tiến bộ học tập.
- Bồi dưỡng giáo viên về kỹ năng số, an toàn thông tin, bản quyền và sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm.
- Thực hiện sao lưu dữ liệu, phân quyền truy cập, quản lý tài khoản và xử lý sự cố.
- Đánh giá hiệu quả từng giải pháp công nghệ trên cơ sở chất lượng dạy học, thời gian xử lý công việc và mức độ an toàn.

Sản phẩm: Kho học liệu số; quy trình quản lý dữ liệu; báo cáo sử dụng công nghệ; hồ sơ bồi dưỡng và đánh giá hiệu quả.

Chủ trì: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyển đổi số. **Phối hợp:** Giáo viên Tin học, tổ văn phòng và các tổ chuyên môn.

Chương trình 7. Hướng nghiệp, kết nối cộng đồng và xây dựng uy tín

Mục tiêu: Tăng cường kết nối giữa nhà trường, gia đình, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và cộng đồng.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, trải nghiệm nghề nghiệp và tìm hiểu thị trường lao động.
- Kết nối cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và cựu học sinh để tổ chức hoạt động phù hợp.
- Công khai thông tin giáo dục, kết quả hoạt động, các khoản thu và nguồn lực theo quy định.

- Phát triển hoạt động tình nguyện, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, bảo vệ môi trường và trách nhiệm cộng đồng.

- Vận động tài trợ theo nguyên tắc tự nguyện, minh bạch, đúng mục đích, không ép buộc và không thay thế trách nhiệm bảo đảm kinh phí của Nhà nước.

Sản phẩm: Kế hoạch hướng nghiệp; biên bản phối hợp; hoạt động trải nghiệm; báo cáo tài trợ và công khai kết quả.

Chủ trì: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách học sinh. **Phối hợp:** Đoàn trường, giáo viên chủ nhiệm, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các đối tác phù hợp.

PHẦN III: TỔ CHỨC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC, THEO DÕI, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

I. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

1. Tuyên truyền và xác lập nhận thức về tầm quan trọng của kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến 2030.

2. Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

II. TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều hành quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng năm sát với tình hình thực tế của nhà trường. Xây dựng các giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch chiến lược.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

1. Giai đoạn 2026-2027: Rà soát và củng cố nền tảng

- Rà soát toàn bộ căn cứ pháp lý, số liệu hiện trạng và các chỉ tiêu phát triển.

- Hoàn thiện hệ thống quy chế, phân công trách nhiệm và bảng theo dõi chỉ tiêu.

- Khảo sát chất lượng học sinh, năng lực đội ngũ và hiện trạng cơ sở vật chất.

- Ưu tiên xử lý các nguy cơ mất an toàn, thiết bị thiết yếu và điều kiện dạy học.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên kết quả tự đánh giá.

2. Giai đoạn 2027-2028: Tăng tốc cải tiến chất lượng

- Tập trung nâng cao chất lượng dạy học, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu và bồi dưỡng học sinh có năng lực.

- Tăng cường bồi dưỡng giáo viên, chuyển đổi số và kiểm tra nội bộ.

- Đối chiếu từng tiêu chí kiểm định chất lượng, chuẩn quốc gia; khắc phục các tiêu chí chưa đạt.

- Tổ chức đánh giá mức độ sẵn sàng trước khi đăng ký đánh giá ngoài.

3. Giai đoạn 2028-2029: Hoàn thiện điều kiện và đánh giá kết quả

- Tiếp tục thực hiện các hạng mục đầu tư, sửa chữa đã được phê duyệt.

- Đánh giá độc lập nội bộ đối với các chỉ tiêu chất lượng, đội ngũ và cơ sở vật chất.

- Hoàn thiện hồ sơ kiểm định, trường chuẩn quốc gia khi đủ điều kiện.

- Nếu chưa đủ điều kiện công nhận, xây dựng kế hoạch khắc phục theo từng tiêu chí, xác định nguồn lực và thời hạn cụ thể.

4. Giai đoạn 2029-2030: Tổng kết và xác lập mục tiêu giai đoạn mới

- Đánh giá toàn diện kết quả chiến lược giai đoạn 2029–2030.

- Xác định mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, hiệu quả sử dụng nguồn lực và những vấn đề tồn tại.

- Công khai kết quả phù hợp quy định; xây dựng kế hoạch duy trì, cải tiến chất lượng.

- Xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2031–2035, bảo đảm kế thừa và phù hợp định hướng đến năm 2045.

5. Giai đoạn 2030-2045: Phát triển bền vững và hội nhập

- Duy trì, nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn có hiệu lực ở từng thời kỳ.

- Phát triển mô hình quản trị số, dạy học linh hoạt và khai thác dữ liệu để nâng cao chất lượng.

- Đẩy mạnh ngoại ngữ, STEM, nghiên cứu khoa học, hướng nghiệp và hợp tác giáo dục.

- Phát triển đội ngũ có năng lực thích ứng với sự thay đổi của khoa học công nghệ.

- Tăng cường giáo dục nhân cách, sức khỏe tinh thần, năng lực công dân số, ý thức môi trường và học tập suốt đời.

- Định kỳ xây dựng, rà soát các kế hoạch trung hạn 5 năm; không sử dụng một bộ chỉ tiêu cố định cho toàn bộ thời kỳ 15 năm mà không cập nhật.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm chung về tổ chức triển khai chiến lược.

- Ban hành kế hoạch thực hiện hằng năm, phân công nhiệm vụ, xác định nguồn lực và phê duyệt các chỉ tiêu thuộc thẩm quyền.

- Chủ trì đánh giá giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ và quyết định điều chỉnh theo quy định.

- Báo cáo cơ quan quản lý giáo dục và cơ quan có thẩm quyền về những nội dung cần hỗ trợ hoặc vượt thẩm quyền.

2. Các Phó hiệu trưởng

- Chủ trì các chương trình được phân công; cụ thể hóa thành nhiệm vụ theo tháng, học kỳ và năm học.

- Theo dõi tiến độ, kiểm tra minh chứng, đề xuất biện pháp xử lý khi chỉ tiêu có nguy cơ không đạt.

- Báo cáo Hiệu trưởng định kỳ và chịu trách nhiệm về chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện trong lĩnh vực phụ trách.

3. Tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng văn phòng

- Cụ thể hóa chỉ tiêu chiến lược thành kế hoạch hoạt động của tổ.

- Phân công nhiệm vụ cho thành viên; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, kiểm tra và tự đánh giá.

- Báo cáo kết quả bằng số liệu và minh chứng; đề xuất nhu cầu bồi dưỡng, thiết bị, nhân lực và các biện pháp cải tiến.

4. Đoàn thanh niên và các tổ chức trong trường

- Tuyên truyền, vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện mục tiêu chiến lược.

- Tổ chức hoạt động giáo dục, văn hóa, thể thao, tình nguyện, xây dựng môi trường học đường an toàn và nhân văn.

- Tham gia giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, công khai và các hoạt động có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

5. Giáo viên, nhân viên và giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch công tác cá nhân gắn với kế hoạch năm học và nhiệm vụ chiến lược.

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, phối hợp hỗ trợ học sinh và cập nhật minh chứng.

- Giáo viên chủ nhiệm theo dõi chuyên cần, rèn luyện, hoàn cảnh và nguy cơ bỏ học của học sinh; phối hợp gia đình để hỗ trợ kịp thời.

6. Học sinh và cha mẹ học sinh

- Học sinh thực hiện nội quy, chủ động học tập, rèn luyện, tham gia hoạt động giáo dục và phản hồi về môi trường học đường qua các kênh phù hợp.

- Cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong giáo dục, quản lý việc học tập, rèn luyện và bảo đảm an toàn cho học sinh.

- Việc đóng góp, tài trợ và huy động nguồn lực thực hiện đúng quy định, bảo đảm tự nguyện, công khai và minh bạch.

7. Cơ chế theo dõi, đánh giá

- **Hằng tháng:** Các bộ phận cập nhật tiến độ nhiệm vụ, chỉ ra khó khăn và đề xuất giải pháp.

- **Cuối học kỳ:** Ban giám hiệu đánh giá kết quả các chỉ tiêu trọng tâm, đối chiếu số liệu và kiểm tra minh chứng.

- **Cuối năm học:** Tổ chức đánh giá toàn diện, công khai kết quả theo quy định, xác định nhiệm vụ chuyển tiếp.

- **Giữa giai đoạn:** Tổ chức đánh giá giữa kỳ năm 2028, rà soát tính khả thi của mục tiêu và điều chỉnh khi có căn cứ.

- **Cuối giai đoạn:** Tổng kết chiến lược năm 2030; đánh giá hiệu quả, tác động, mức độ hoàn thành và đề xuất chiến lược giai đoạn tiếp theo.

Mọi điều chỉnh phải dựa trên dữ liệu, kết quả thực tế, nguồn lực và quy định hiện hành; không điều chỉnh số liệu nhằm hợp thức hóa kết quả.

PHẦN IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. ĐỐI VỚI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP

1. Hỗ trợ rà soát cơ cấu giáo viên, vị trí việc làm, nhu cầu nhân lực và kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ.

2. Xem xét, hướng dẫn và bố trí nguồn lực đầu tư, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất theo thứ tự ưu tiên, phù hợp quy định và khả năng ngân sách.

3. Hướng dẫn nhà trường thực hiện kiểm định chất lượng, công nhận trường chuẩn quốc gia, chuyển đổi số và quản trị dữ liệu.

4. Hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh.

II. ĐỐI VỚI UBND PHƯỜNG CAI LẬY VÀ CÁC TỔ CHỨC PHỐI HỢP

1. Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

2. Tạo điều kiện kết nối hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm, văn hóa, thể thao và bảo vệ môi trường.

3. Hỗ trợ huy động nguồn lực hợp pháp, tự nguyện, công khai, đúng quy định nhằm cải thiện điều kiện học tập của học sinh.

Trường THPT Tứ Kiệt cam kết phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, đổi mới và sáng tạo; sử dụng hiệu quả các nguồn lực; thực hiện công khai, minh bạch; thường xuyên kiểm tra, đánh giá và cải tiến chất lượng để hoàn thành các mục tiêu phát triển giai đoạn 2026–2030, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT Đồng Tháp;
- Cấp ủy, Ban giám hiệu, Chi bộ;
- Đoàn trường;
- Ban ĐDCMHS trường;
- Tổ chuyên môn;
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên;
- Website của trường;
- Lưu: VT, HT, CTHĐT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT TỨ KIỆT

Phạm Văn Nghĩa

PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GDĐT ĐỒNG THÁP

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC

Bảng chỉ tiêu và phân công thực hiện giai đoạn 2026–2030

Nội dung	Mục tiêu đến năm 2030	Đơn vị chủ trì	Thời điểm đánh giá
Tốt nghiệp THPT	Phấn đấu đạt 100%, đồng thời bảo đảm đánh giá thực chất	Phó Hiệu trưởng CM	Hằng năm
Duy trì sĩ số	Từ 99% trở lên	Phó Hiệu trưởng phụ trách học sinh	Hằng tháng, cuối năm
Hỗ trợ học sinh có nguy cơ bỏ học	100% trường hợp được phát hiện, lập phương án hỗ trợ	GVCN, Đoàn trường	Hằng tháng
Bồi dưỡng giáo viên	100% hoàn thành nội dung bồi dưỡng theo quy định	Phó Hiệu trưởng CM	Cuối năm
Đổi mới sinh hoạt chuyên môn	Mỗi tổ ít nhất một chuyên đề/năm học có sản phẩm minh chứng	Tổ trưởng CM	Theo học kỳ
An toàn CSVC	100% phòng đang sử dụng được rà soát an toàn; ưu tiên khắc phục nguy cơ cấp thiết	Phó Hiệu trưởng phụ trách CSVC	Đầu năm và định kỳ
Học liệu số	100% tổ chuyên môn sử dụng hệ thống lưu trữ, chia sẻ tài liệu dùng chung	Phụ trách chuyển đổi số	Cuối học kỳ
Hướng nghiệp	100% học sinh được tư vấn hướng nghiệp	Phó Hiệu trưởng phụ trách học sinh	Hằng năm
Cải tiến chất lượng	100% nhiệm vụ ưu tiên có kế hoạch, người phụ trách và minh chứng	Hiệu trưởng	Cuối học kỳ, cuối năm
Kiểm định và trường chuẩn	Phấn đấu hoàn thành mục tiêu cấp độ 3, mức độ 2 khi đủ điều kiện	Hiệu trưởng	Theo lộ trình và quy định